

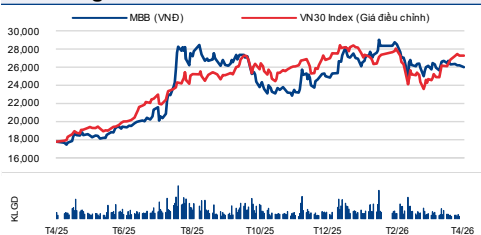
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ31,800
Tiềm năng tăng/giảm: 22.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (28/4/2026)	26,000
Mã Bloomberg	MBB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,451-29,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	26,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	209,431
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,951
Slg CP lưu hành (tr.đv)	8,055
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,933
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0.10
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	24.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.0%
Tỷ lệ freefloat	51.3%
Cổ đông lớn	Viettel (19.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	1,616	2,133	2,658
Dư nợ cho vay (ntđ)	1,086	1,462	1,907
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	67.7	86.0	106
Lợi nhuận thuần (ntđ)	26.8	32.9	41.3
BVPS (đồng)	16,901	20,681	25,429
EPS (đồng)	3,325	4,087	5,133
DPS (đồng)	227	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	39.7	34.5	30.5
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	22.2	27.0	23.5
Tăng trưởng EPS (%)	17.3	22.9	25.6
Tăng trưởng DPS (%)	(31.4)	(100)	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	6.84	0	0
ROAE (%)	21.6	21.7	22.3
ROAA (%)	1.95	1.76	1.73
Tỷ lệ NIM (%)	3.87	3.76	3.61
Tỷ lệ CIR (%)	29.1	28.1	28.4
Hệ số CAR (%)	10.2	9.28	8.71
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.29	1.33	1.30
LLR/nợ xấu (%)	93.9	94.2	95.9
Hệ số LDR (%)	118	120	114
P/B (lần)	1.54	1.26	1.02
P/E (lần)	7.82	6.36	5.07
Lợi suất cổ tức (%)	0.87	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MBB là một ngân hàng có nguồn gốc từ quân đội và hiện sở hữu quy mô tài sản và tín dụng lớn nhất trong nhóm NH tư nhân. MBB hướng đến phát triển mô hình ngân hàng đa năng hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q1 tăng 15% - thấp hơn dự báo về tổng thu nhập hoạt động

- MBB đã công bố LNTT Q1/2026 đạt 9,6 nghìn tỷ đồng, tăng 14,8%, hoàn thành 23% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo Q1 của chúng tôi, chủ yếu do tỷ lệ NIM thu hẹp và lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối & lãi mua bán trái phiếu thấp.
- Tín dụng tăng trưởng chậm hơn so với kỳ vọng của chúng tôi ở mức 3,3% kể từ đầu năm do huy động chỉ tăng 0,6% kể từ đầu năm. Tỷ lệ NIM thu hẹp 26 điểm cơ bản so với quý trước xuống 3,8%, trong khi thu nhập ngoài lãi giảm 30,7% so với cùng kỳ. Tỷ lệ NPL tăng nhẹ lên 1,42% và chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ.
- Sau khi đi ngang trong 1 tháng qua, MBB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,19 lần, cao hơn so với bình quân quá khứ ở mức 1,06 lần nhưng thấp hơn 3% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026

MBB đã công bố LNTT Q1/2026 đạt 9,6 nghìn tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ (giảm 13,5% so với quý trước), hoàn thành 23% dự báo năm 2026 nhưng thấp hơn một chút so với dự báo Q1 của chúng tôi. Động lực tăng trưởng lợi nhuận bao gồm: Tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2025 tạo nền tín dụng cho Q1/2026, chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ và chất lượng tài sản cải thiện tốt hơn kỳ vọng nhưng bị bù trừ một phần do tỷ lệ NIM thu hẹp và thu nhập ngoài lãi sụt giảm.

Tín dụng tăng trưởng 3,3% trong khi huy động tăng trưởng 0,6% kể từ đầu năm

Tổng dư nợ tín dụng tăng 3,3% kể từ đầu năm, nhìn chung phù hợp với bình quân ngành. BLĐ cho biết MBB đã chuyển khoảng 2% dư nợ tín dụng cho MBV trong Q1/2026, tương đương khoảng 22 nghìn tỷ đồng.

Cho vay khách hàng doanh nghiệp tăng 2,2% kể từ đầu năm, trong khi cho vay bán lẻ tăng 5%. Cơ cấu tín dụng theo ngành, ngành BĐS là động lực tăng trưởng chính trong Q1/2026, tăng khoảng 10 nghìn tỷ đồng và đóng góp khoảng 70% tăng trưởng cho vay khách hàng doanh nghiệp.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 29/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2026, MBB

Trong Q1, tổng thu nhập hoạt động thấp hơn dự báo trong khi hiệu quả kiểm soát chi phí và chất lượng tài sản vượt kỳ vọng

Tỷ đồng	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ	2026 HSCF	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	11,692	14,913	27.5%	68,663	21.7%
Thu nhập ngoài lãi	3,630	2,517	-30.7%	17,337	14.5%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,235	1,709	38.3%	7,778	22.0%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	678	(250)	-136.9%	593	0%
Thu nhập thuần khác	1,179	1,090	-7.5%	6,074	18.0%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0	-	174	0.0%
Tổng thu nhập HĐ	15,323	17,430	13.8%	86,000	20.3%
Chi phí HĐ	(3,950)	(4,347)	10.1%	(24,178)	18.0%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	11,373	13,083	15.0%	61,822	21.2%
Chi phí dự phòng	(2,986)	(3,455)	15.7%	(19,841)	17.4%
LNTT	8,386	9,628	14.8%	41,981	22.9%
Lợi nhuận thuần	6,568	7,516	14.4%	32,920	22.8%

Nguồn: MBB, HSC

Nhìn chung, tín dụng tăng trưởng chậm hơn đáng kể so với dự báo của chúng tôi, chỉ hoàn thành 10% dự báo năm 2026, chủ yếu do huy động hạn chế. Tổng huy động chỉ tăng 0,6% kể từ đầu năm, trong khi tiền gửi khách hàng giảm 1,7% kể từ đầu năm nhưng được bù đắp nhờ giấy tờ có giá tăng 11,5% kể từ đầu năm. Theo đó, hệ số LDR thuần tăng lên 124% từ 118% tại thời điểm cuối năm 2025, trong khi hệ số LDR điều chỉnh (bao gồm giấy tờ có giá) tăng nhẹ từ 100% lên 103% trong quý trước.

Tỷ lệ NIM thu hẹp 26 điểm cơ bản so với quý trước

Tỷ lệ NIM thấp hơn dự báo, giảm xuống 3,8% (giảm 26 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 39 điểm cơ bản so với cùng kỳ), do chi phí huy động tăng mạnh lên 4% (tăng 37 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 76 điểm cơ bản so với cùng kỳ), chủ yếu do chi phí tiền gửi tăng 44 điểm cơ bản so với quý trước. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn giảm mạnh xuống 33% từ 35,7% trong Q1/2025 và 37,8% trong Q4/2025, cũng thấp hơn kỳ vọng.

Lợi suất tài sản tăng nhẹ 9 điểm cơ bản so với quý trước lên 7,38%, trong khi lợi suất cho vay chỉ tăng 4 điểm cơ bản so với quý trước. Điều này phản ánh áp lực lãi suất đầu ra trong bối cảnh MBB tiếp tục cạnh tranh để tăng trưởng cho vay, nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi.

Nhìn chung, tỷ lệ NIM và chi phí huy động không đạt kỳ vọng của chúng tôi.

Lỗ HĐKD nguồn vốn làm giảm thu nhập ngoài lãi

Thu nhập ngoài lãi giảm 30,7% so với cùng kỳ và giảm 49,4% so với quý trước, chủ yếu do lỗ mua bán trái phiếu (giảm 136,9% so với cùng kỳ) có thể do lãi suất tăng. Trong khi đó, lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối cũng giảm mạnh 105,9% so với cùng kỳ do lỗ từ các công cụ phái sinh, có thể là các công cụ phòng ngừa rủi ro cho khoản vay gần 3 tỷ USD từ các ngân hàng & tổ chức tài chính khác.

Lãi thuần HĐ dịch vụ vẫn là điểm sáng, tăng 38,3% so với cùng kỳ, nhờ dịch vụ thanh toán (tăng 184% so với cùng kỳ) và phí khác (tăng 140% so với cùng kỳ).

Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ lên 1,42%

Chất lượng tài sản suy yếu nhẹ với tỷ lệ nợ xấu tăng lên 1,42% từ 1,29% trong Q4/2025, chủ yếu đến từ Ngân hàng mẹ (tỷ lệ nợ xấu tăng lên 1,27% từ 1,13%).

Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành tăng lên 0,35% trong quý này nhưng vẫn thấp hơn bình quân Q1 ở mức khoảng 1% trong 2 năm qua. Chi phí dự phòng tăng 16% so với cùng kỳ.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR ổn định ở mức khoảng 93%. Nhìn chung, chất lượng tài sản tốt hơn một chút so với giả định của chúng tôi.

Chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ

Chi phí hoạt động tăng 10,1% so với cùng kỳ, thấp hơn so với tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động (13,8%), cho thấy chi phí được kiểm soát hiệu quả. Hệ số CIR cải thiện lên 24,9% từ 25,8% trong Q1/2025, trong khi tỷ lệ chi phí hoạt động/dư nợ tín dụng giảm xuống 1,5%, cả 2 chỉ số đều ở mức thấp kỷ lục.

Số lượng nhân viên nhìn chung đi ngang so với cùng kỳ ở mức khoảng 18.600 người (giảm 1,3% kể từ đầu năm), mặc dù tín dụng tăng 38% so với cùng kỳ, cho thấy năng suất lao động cải thiện và hỗ trợ hiệu quả kiểm soát chi phí. Kết quả này tốt hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn

Sau khi đi ngang trong 1 tháng qua, MBB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,19 lần, cao hơn so với bình quân quá khứ ở mức 1,06 lần

nhưng thấp hơn 3% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn về kết quả chung của ngành. Mặc dù KQKD thấp hơn một chút so với dự báo, Ngân hàng đã cắt giảm tốt chi phí hoạt động để bù đắp cho sự sụt giảm của tổng thu nhập hoạt động.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	69.1	89.1	133	163	200
Chi phí lãi	(27.9)	(37.5)	(64.5)	(78.2)	(95.0)
Thu nhập lãi thuần	41.2	51.6	68.7	84.6	105
Lãi thuần HĐ dịch vụ	4.37	6.58	7.78	9.56	11.5
Lãi thuần HĐ KDNH	2.00	1.76	2.72	3.76	4.88
Lãi/lỗ từ mua bán CK	4.56	2.26	0.59	1.76	2.31
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.05	0.17	0.17	0.17	0.17
Thu nhập khác	3.28	5.31	6.07	6.37	7.93
Tổng thu nhập HĐ	55.4	67.7	86.0	106	131
Chi phí HĐ	(17.0)	(19.7)	(24.2)	(30.1)	(37.2)
LN trước dự phòng	38.4	48.0	61.8	76.1	94.3
Chi phí dự phòng	(9.58)	(13.7)	(19.8)	(23.5)	(29.9)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	28.8	34.3	42.0	52.6	64.5
Chi phí thuế TNDN	(5.88)	(6.89)	(8.40)	(10.5)	(12.9)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.32)	(0.60)	(0.66)	(0.73)	(0.80)
Lợi nhuận thuần	22.6	26.8	32.9	41.3	50.8
EPS (đồng)	2,834	3,325	4,087	5,133	6,302
DPS (đồng)	331	227	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	7,985	8,055	8,055	8,055	8,055
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	8,055	8,055	8,055	8,055	8,055
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	8,055	8,055	8,055	8,055	8,055

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3.35	4.97	7.42	9.85	12.2
Tiền gửi tại NHNN	29.8	68.5	29.7	39.4	48.8
Tiền gửi tại các TCTD khác	76.8	183	277	221	268
Chứng khoán kinh doanh	7.93	4.65	3.13	4.37	5.36
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	766	1,073	1,443	1,883	2,265
Tổng dư nợ cho vay	778	1,086	1,462	1,907	2,293
Dự phòng rủi ro	(11.7)	(13.2)	(18.3)	(23.8)	(27.8)
Chứng khoán đầu tư	210	226	310	432	530
CK đầu tư sẵn sàng để bán	206	222	307	429	525
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.61	4.30	3.13	4.37	5.36
Dự phòng rủi ro	(0.48)	(0.23)	(0.42)	(0.54)	(0.59)
Đầu tư dài hạn	0.61	0.47	0.47	0.47	0.47
Tài sản cố định	5.66	5.84	6.04	6.54	7.04
Tài sản khác	29.0	49.5	56.0	60.9	73.7
Tổng tài sản	1,129	1,616	2,133	2,658	3,210
Nợ phải trả	1,012	1,474	1,960	2,447	2,953
Tiền gửi của NHNN	8.16	47.5	59.4	0	0
Tiền gửi của các TCTD khác	110	248	327	386	417
Tổng tiền gửi KH	714	921	1,218	1,674	2,073
Trái phiếu và CCTG	129	187	267	295	366
Nợ khác	50.1	68.9	88.6	90.8	96.6
Vốn chủ sở hữu	112	136	167	205	252
Vốn điều lệ	53.1	80.5	96.7	116	139
Thặng dư vốn cổ phần	1.30	1.30	1.30	1.30	1.30
Lợi nhuận giữ lại	40.7	32.6	42.8	56.7	74.1
Quỹ & vốn khác của CSH	17.1	21.7	25.8	30.8	37.2
Lợi ích cổ đông thiểu số	4.91	5.89	5.89	5.89	5.89
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	1,129	1,616	2,133	2,658	3,210
BVPS (đồng)	13,923	16,901	20,681	25,429	31,258

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	19.5	43.1	32.0	24.6	20.8
Tăng trưởng cho vay KH (%)	26.9	39.7	34.5	30.5	20.2
Tăng trưởng huy động KH (%)	25.8	29.0	32.2	37.5	23.8
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	21.5	31.5	33.9	32.7	23.8
Tăng trưởng VCSH (%)	20.9	21.4	22.4	23.0	22.9
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	6.38	25.4	33.0	23.2	23.7
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	14.0	15.7	22.8	24.7	23.3
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	18.6	25.0	28.8	23.1	24.0
Tăng trưởng LNTT (%)	9.59	18.9	22.5	25.3	22.6
Tăng trưởng LN thuần (%)	9.46	18.3	22.9	25.6	22.8

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.34	4.93	4.59	4.43	4.48
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.64)	(1.43)	(1.29)	(1.26)	(1.27)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	97.4	97.3	97.4	97.8	98.0
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.97	3.59	3.97	4.54	5.40
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	71.0	81.6	99.8	122	145

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	9.17	7.82	6.36	5.07	4.13
P/B (lần)	1.87	1.54	1.26	1.02	0.83
Lợi suất cổ tức (%)	1.27	0.87	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	40.8	39.6	38.3	38.9	38.6
ROAA (%)	2.18	1.95	1.76	1.73	1.73
ROAE (%)	22.1	21.6	21.7	22.3	22.2
Chi phí huy động BQ (%)	3.18	3.17	3.94	3.70	3.64
Lợi suất góp BQ (%)	6.84	6.67	7.30	6.95	6.95
Lợi suất thuần (%)	3.66	3.50	3.36	3.25	3.30
Tỷ lệ NIM (%)	4.07	3.87	3.76	3.61	3.64
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	7.88	9.72	9.04	9.00	8.76
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	74.3	76.2	79.8	79.6	79.6
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	17.9	14.0	11.1	11.4	11.6
Tỷ lệ CIR (%)	30.7	29.1	28.1	28.4	28.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	11.7	6.84	0	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.8	10.2	9.28	8.71	8.76
VCSH/Tổng TS (%)	9.94	8.43	7.81	7.71	7.84
Đòn bẩy vốn (lần)	10.1	11.9	12.8	13.0	12.8

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.62	1.29	1.33	1.30	1.20
Hệ số LLR (%)	92.9	93.9	94.2	95.9	101

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	109	118	120	114	111
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	11.6	18.3	18.0	16.4	14.6
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	68.9	67.2	68.5	71.7	71.4

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	319	328	330	340	350
Số lượng nhân viên	18,639	18,836	21,661	23,394	24,330

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn